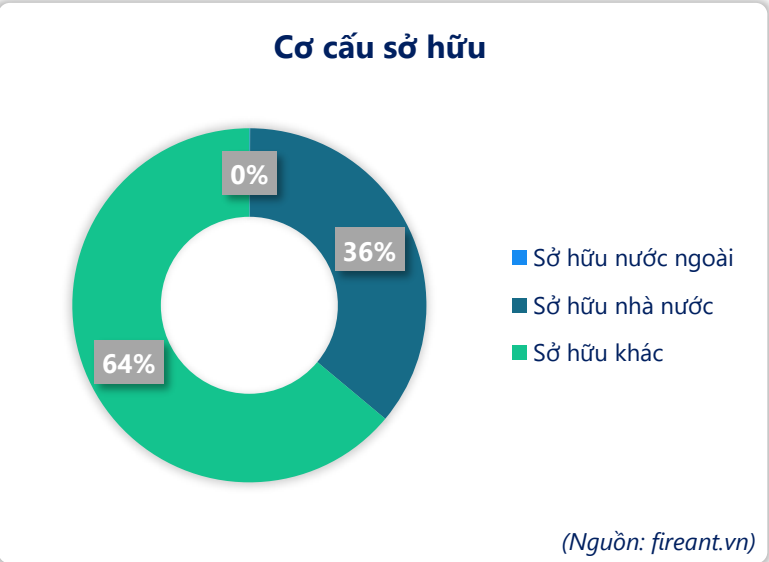
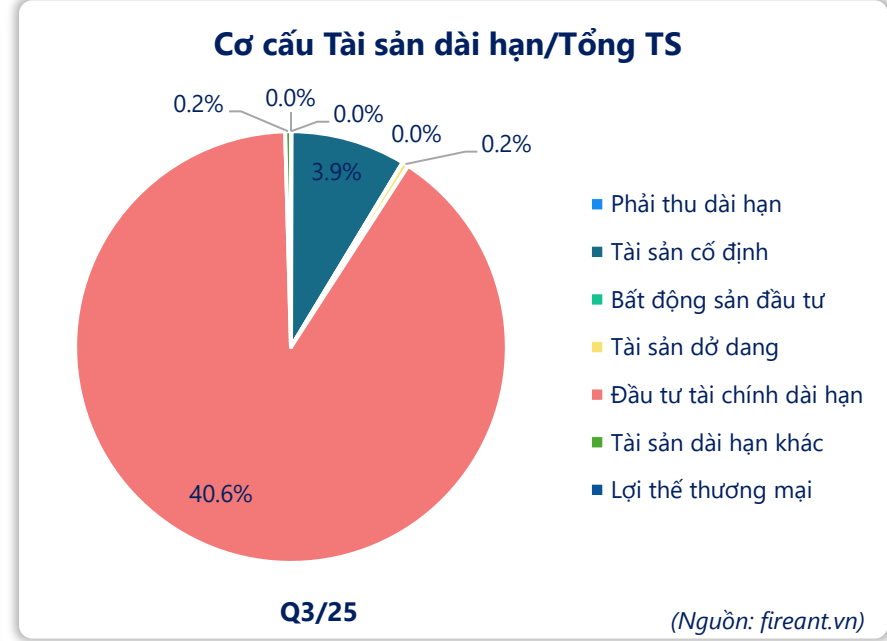
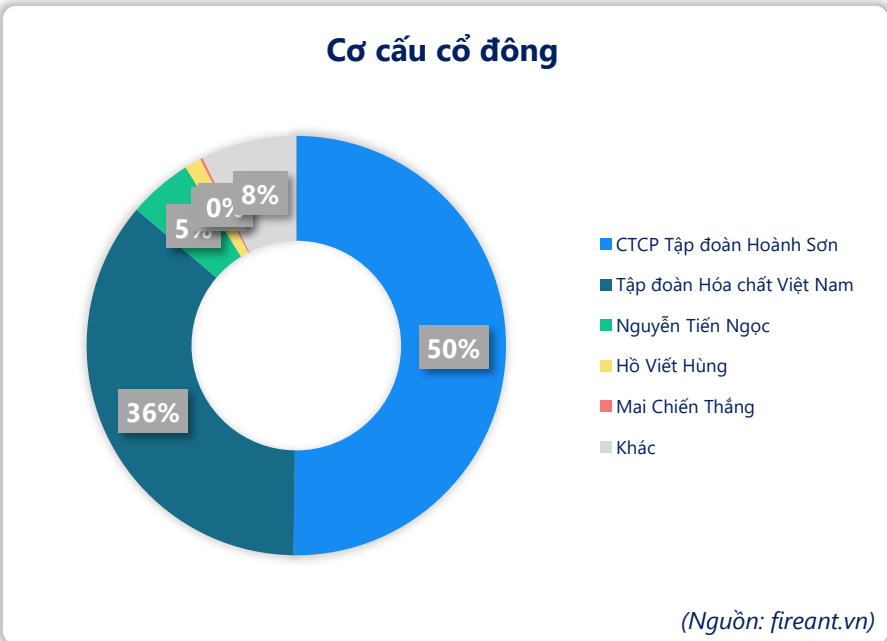
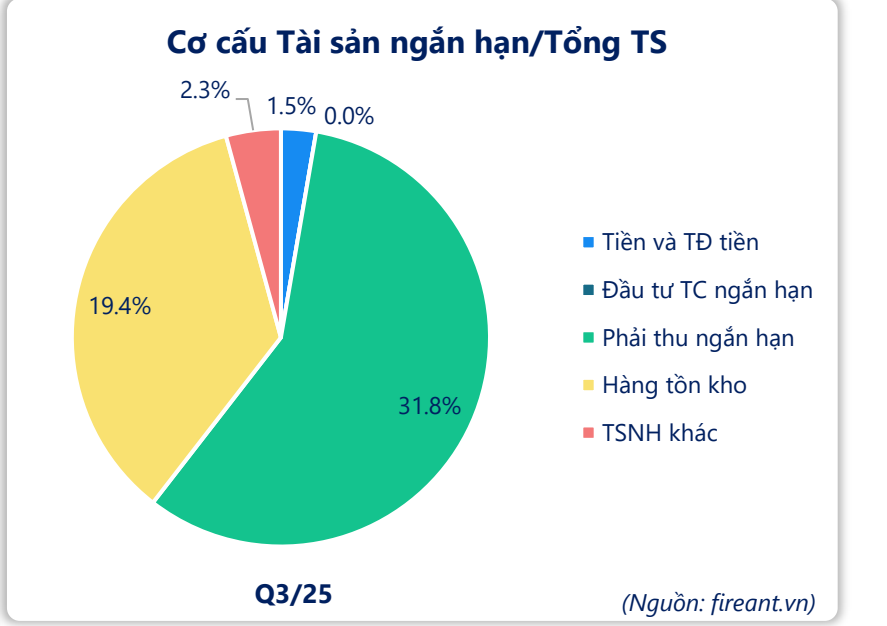
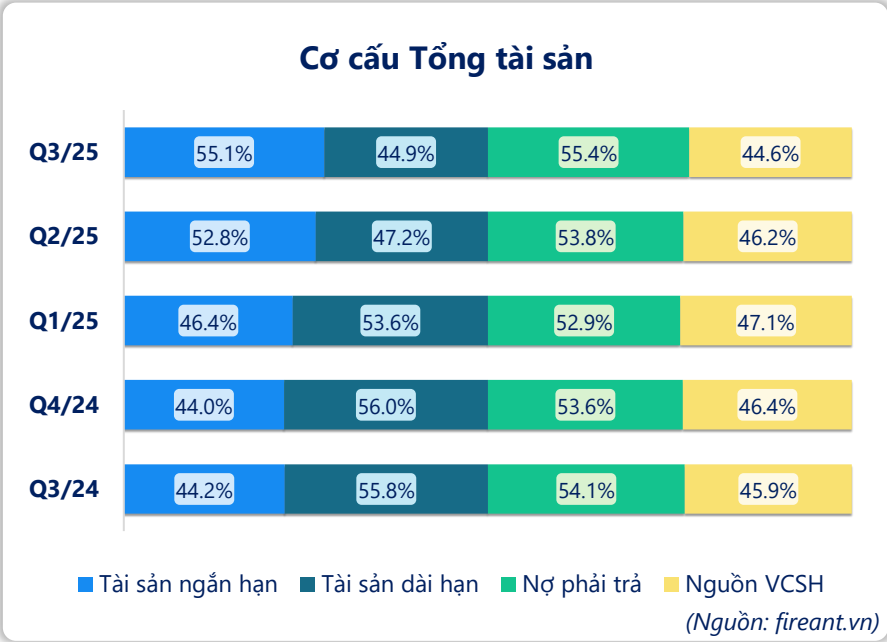


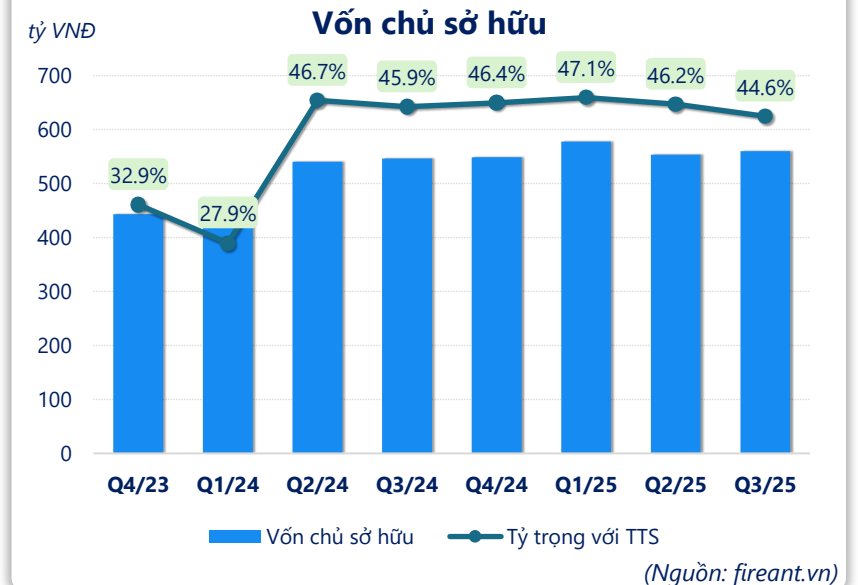
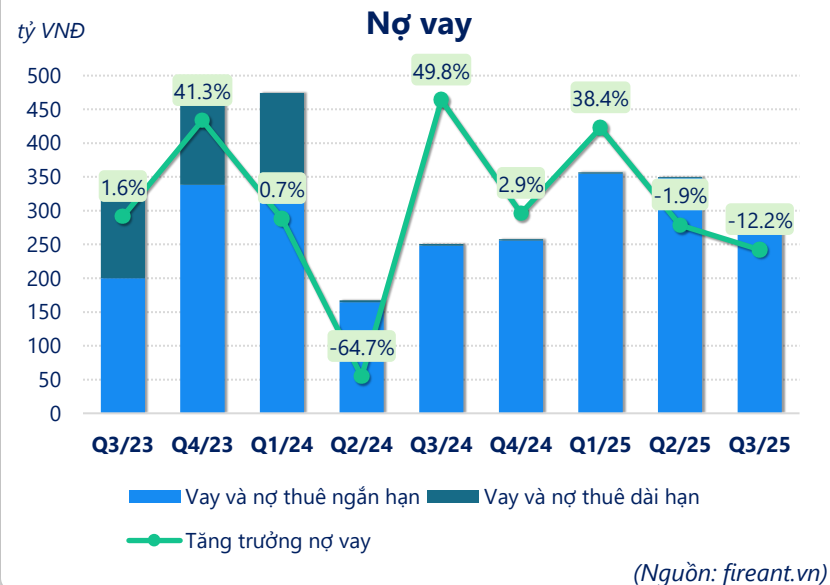
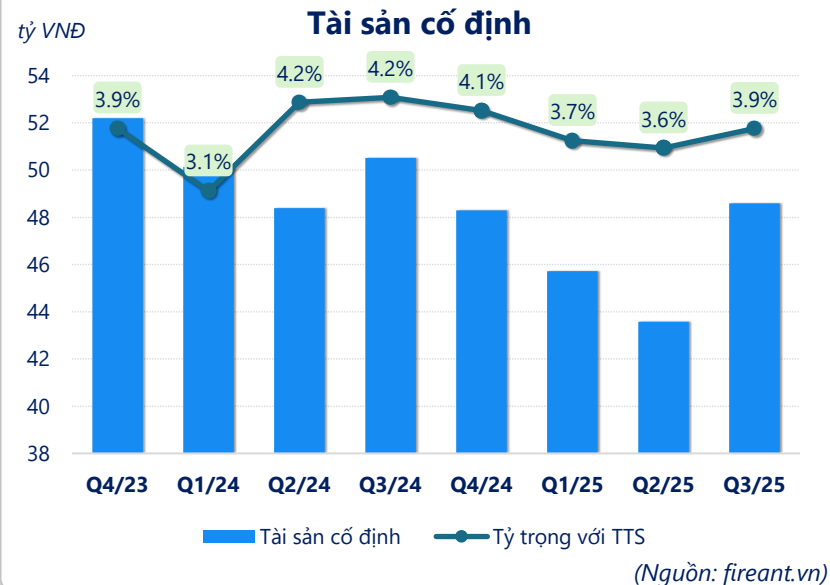
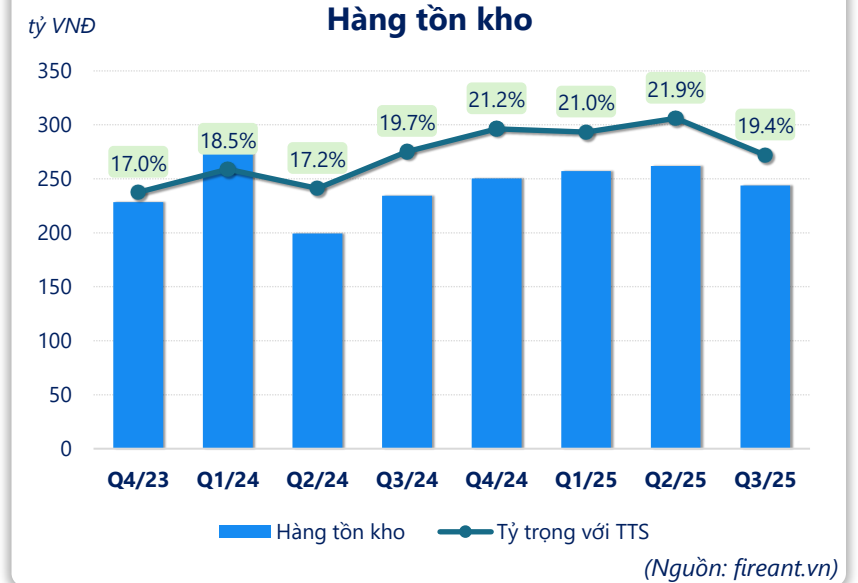
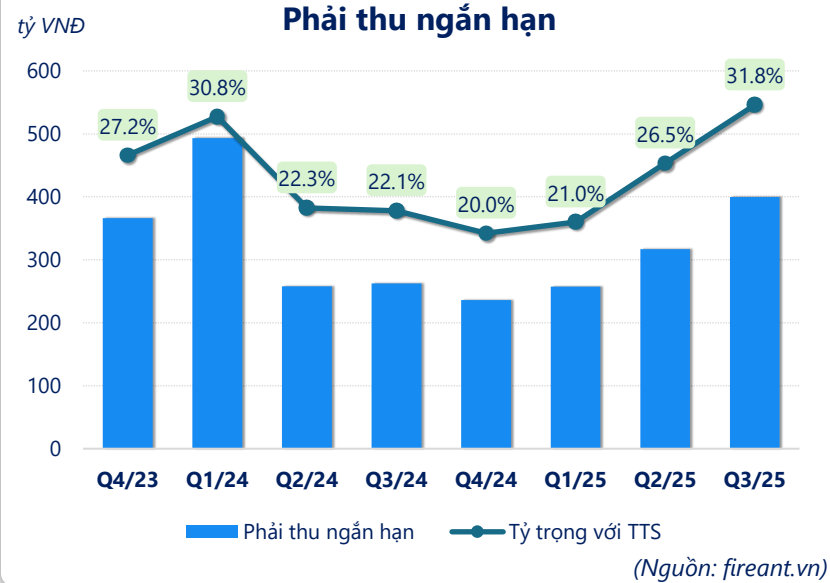
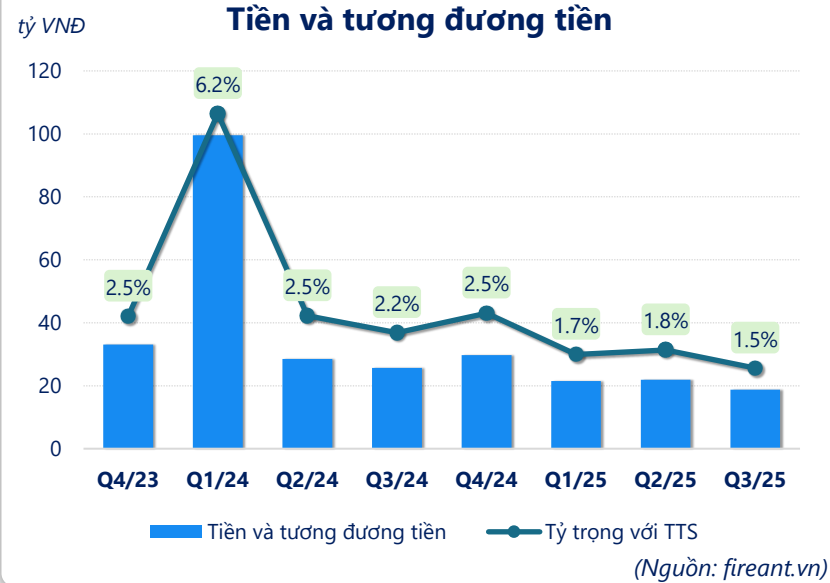
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		53,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		53,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,799
SL cổ phiếu LH		28,063,368
KLGD BQ 20 phiên (CP)		22,310
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,487
P/E		76.1
EPS		696

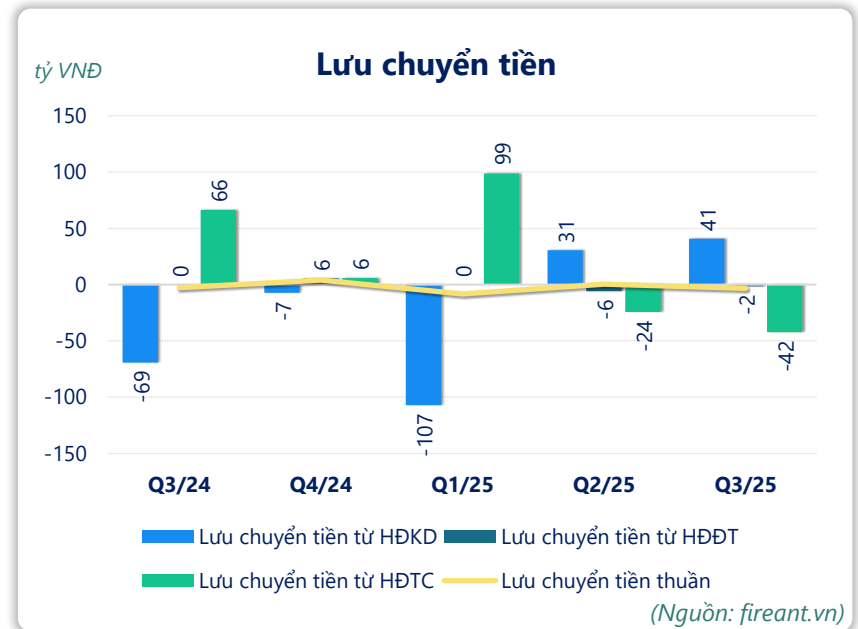
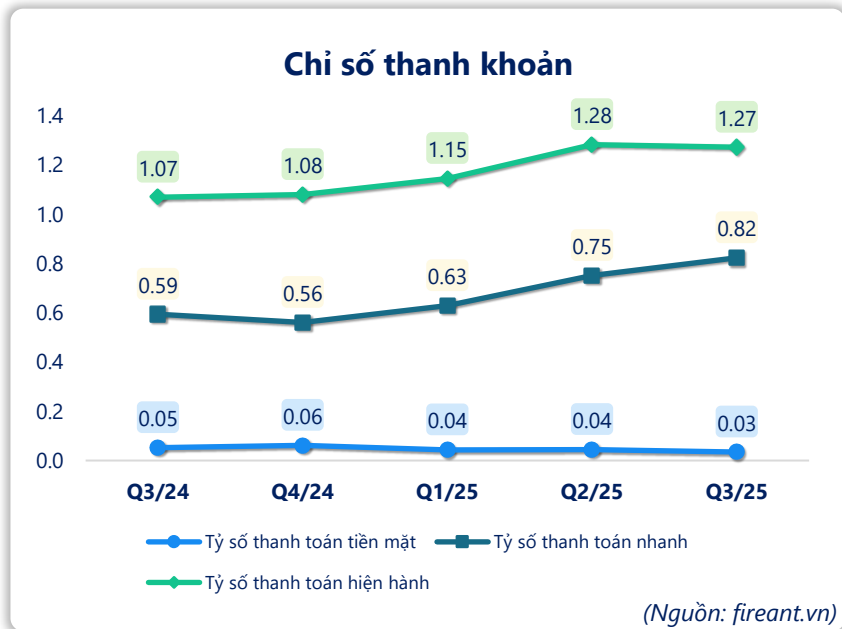
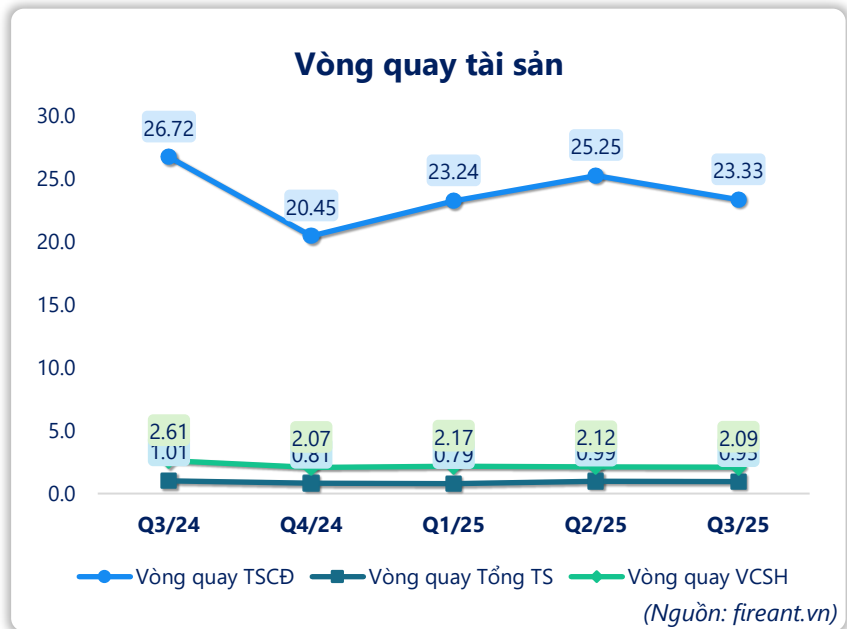
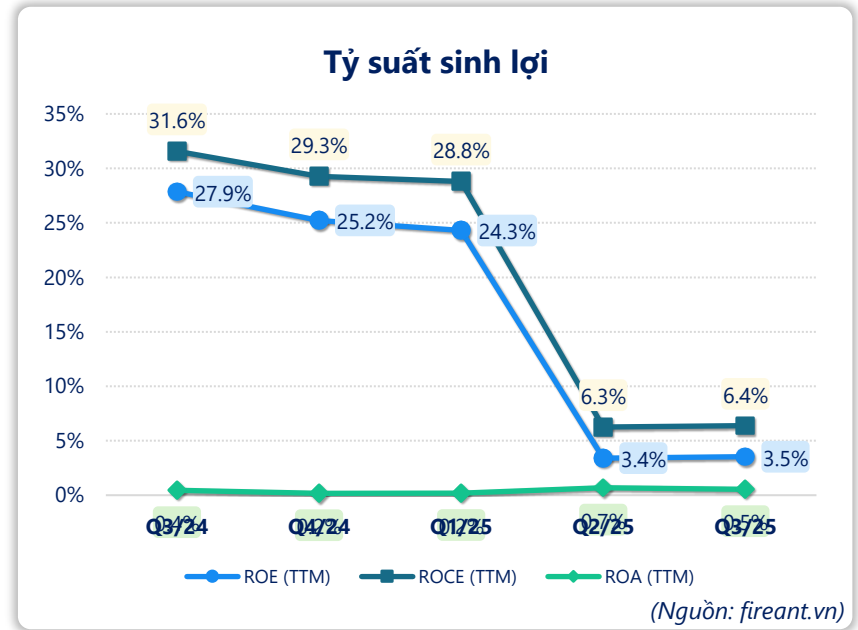
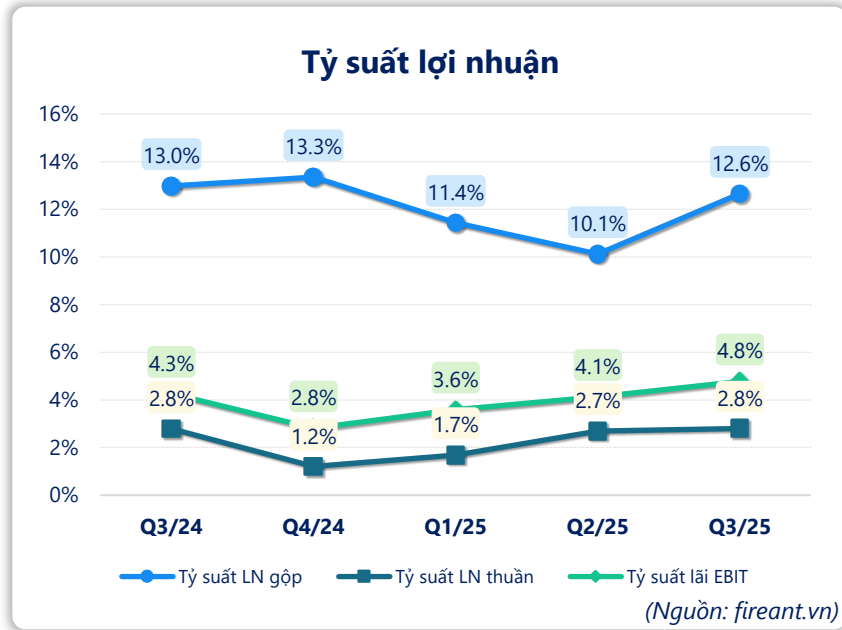
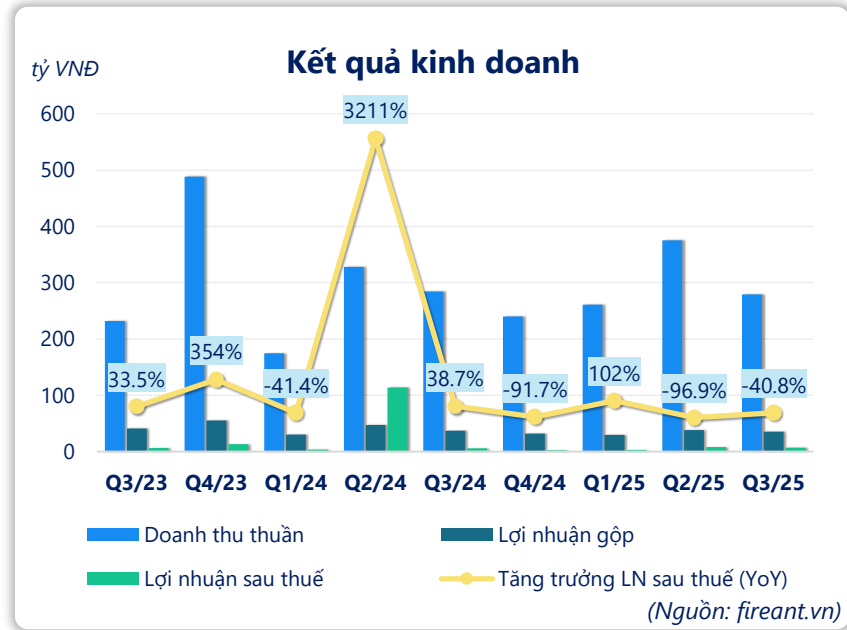
	YTD	1T	3T	6T
SRC	109.5%	46.0%	111.2%	104.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Cao su Sao vàng (HSX: SRC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,255	1,209	3.8%
Tài sản ngắn hạn	692	549	25.9%
Tiền và tương đương tiền	18.7	29.7	-36.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	400	235	69.9%
Hàng tồn kho	244	250	-2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	29.3	33.9	-13.4%
Tài sản dài hạn	564	660	-14.6%
Phải thu dài hạn	0.24	97.8	-99.8%
Tài sản cố định	48.6	48.3	0.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.64	2.07	27.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	510	509	0.2%
Tài sản dài hạn khác	2.43	3.12	-22.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	695	634	9.6%
Nợ ngắn hạn	544	482	12.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	306	256	19.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	176	148	19.0%
Nợ dài hạn	151	152	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.51	2.12	-28.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	560	575	-2.6%
Vốn chủ sở hữu	560	575	-2.6%
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	285	240	261	376	279
Giá vốn hàng bán	248	208	231	338	244
Lợi nhuận gộp	36.9	32.0	29.9	38.0	35.3
Doanh thu HĐTC	1.50	2.05	1.19	0.84	0.43
Chi phí TC	5.77	6.19	6.49	5.86	6.27
Chi phí lãi vay	3.40	4.23	4.96	5.42	4.94
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.58	8.71	6.19	9.05	7.27
Chi phí QLDN	15.2	16.3	14.0	13.8	14.4
LN thuần từ HĐKD	7.92	2.90	4.40	10.1	7.81
Lợi nhuận khác	0.80	-0.39	0.03	-0.03	0.59
LN trước thuế	8.72	2.51	4.43	10.1	8.40
Lợi nhuận sau thuế	5.69	2.17	2.69	8.07	6.61
LNST của CĐ cty mẹ	5.69	2.17	2.69	8.07	6.61

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-69.2	-7.29	-107	30.5	40.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.09	5.61	0.04	-5.85	-1.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	66.3	5.69	98.9	-24.2	-42.2
Tiền đầu kỳ	28.5	25.6	29.7	21.5	21.9
Lưu chuyển tiền thuần	-2.80	4.01	-8.26	0.48	-3.19
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0.08	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	25.6	29.7	21.5	21.9	18.7

(Nguồn: fireant.vn)